

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25- 01-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Bậu và ông Vũ Xuân Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 743/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị P, sinh năm 1982. HKTT: Xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Trú tại: Số 263, thôn B, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1985. HKTT: Xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ làm việc: Tổ trưởng tổ cắt may - Công ty T tại KCN H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đăng T tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND Xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/02/2008, số vào sổ giấy chứng nhận 12, quyền số 01/2008.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Đăng Duy N, sinh ngày 26/7/2008.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị

cam kết vợ chồng không có nợ chung của ai.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống tính cách không phù hợp, anh T có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ và đã có con riêng với họ. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T.

Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu 01 con chung là Nguyễn Đăng Duy N, sinh ngày 26/7/2009, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Tài sản chung không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có.

Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Trong suốt quá trình tố tụng anh T không đồng ý ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt, không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định pháp luật;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị P; Về quan hệ hôn nhân: Cho chị P được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao cho chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đăng Duy N, sinh ngày 26/7/2009 anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Đặng Thị P khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là anh Nguyễn Đăng T; hiện đang cư trú tại: Công ty T tại KCN H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh T. Tuy nhiên, anh T vẫn cố tình vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do; mặt khác chị P có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị P là có căn cứ.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị P và anh Nguyễn Đăng T là hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, được UBND cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P thì thấy: Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử chị P cương quyết xin ly hôn với anh T vì giữa chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị không còn tình cảm với anh T nữa, chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay và hiện tại anh T đã có con riêng với người phụ nữ khác. Hơn nữa, anh T không đến Tòa án làm việc chứng tỏ không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình, anh T bế tắc không thuyết phục được chị P trở về đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn biện pháp khắc phục.

Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau, trong khi đó hôn nhân của chị P và anh T không có hạnh phúc, không có sự quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và thực tế đã sống ly thân. Do vậy, căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp thuận cho chị P được ly hôn với anh T.

2.2. Về con chung: Chị P yêu cầu được nuôi con chung, anh T không có ý kiến phản đối hoặc tranh chấp về việc ai là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, cháu N có nguyện vọng được ở với chị P. Do đó, cần giao cho chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Đăng Duy N, sinh ngày 26/7/2009 là phù hợp. Chị P yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh T về yêu cầu cấp dưỡng của chị P nhưng anh T không có bất kỳ ý kiến gì cung cấp cho Tòa án nên yêu cầu cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) của chị P là chính đáng và phù hợp. Vì vậy để đảm bảo cho cuộc sống của cháu N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị P.

2.3. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Chị P khai không có nên không đề cập.

[3]. Về án phí: Chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Đăng T.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng một con chung cháu Nguyễn Đăng Duy N, sinh ngày 26/7/2009.

Anh Nguyễn Đăng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi cháu N đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng kể từ ngày tòa tuyên án sơ thẩm (ngày 25/01/2019).

Kể từ khi chị P có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu anh T chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh T.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) từ tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 001030 ngày 08/10/2018. Chị P đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Đăng T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TA tỉnh Đồng Nai.
 - VKSND huyện Trảng Bom;
 - Chi cục T.H.A.DS huyện Trảng Bom;
 - UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam;
- (GCNKH số 18 ngày 25/4/2001)
- Lưu hồ sơ, CQ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Quyên

